

PHIẾU KHẢO SÁT MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN
STUDENT SATISFACTION SURVEY

Chào mừng bạn đến với khảo sát **mức độ hài lòng của sinh viên**. Rất đơn giản, bạn chỉ mất vài phút để hoàn thành bản khảo sát này. / *Welcome to the **student satisfaction** survey. Quite simply, it only takes you a few minutes to complete this survey.*

Khảo sát **mức độ hài lòng của sinh viên** là cơ hội để bạn nói lên quan điểm của mình về những điều bạn mong muốn trong thời gian bạn học tại trường cũng như mọi thứ bạn nghĩ cần được cải tiến. / ***Student satisfaction** survey is an opportunity for you to express your views about what you want while you are at school as well as everything you think needs improvement.*

Khảo sát **mức độ hài lòng của sinh viên** giúp nhà trường nắm bắt được những suy nghĩ, nguyện vọng của sinh viên. Ý kiến đóng góp của bạn là những gợi ý cần thiết và sát thực tế để Nhà trường có căn cứ cải thiện các điều kiện học tập của bạn ngày càng tốt hơn. / ***Student satisfaction** survey helps the school capture students' thoughts and aspirations. Your comments are necessary and realistic suggestions for the school to have a basis to improve your learning conditions better and better.*

Chúng tôi cam kết rằng tất cả thông tin mà bạn cung cấp trong cuộc khảo sát này sẽ được giữ bí mật tuyệt đối và chỉ được sử dụng cho mục đích đánh giá và cải tiến chất lượng. / *We have committed to ensuring that all information which you provide in this survey will be kept strictly confidential and used solely for the purpose of assessing and improving quality.*

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN/ GENERAL INFORMATION

Nơi học tậpⁱ/ *Campus*:

Ngành học/ *Major*

< ☐ Công nghệ thông tin/ *IT*

☐ Kinh tế/ *Business*

☐ Ngôn ngữ/ *Language* >ⁱⁱ

II. ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG/ EVALUATION FOR ACTIVITIES

Bạn đánh giá như thế nào về chất lượng của các điều kiện giáo dục dưới đây mà nhà trường cung cấp cho bạn?

How would you rate the quality of educational conditions below provided to you by the school?

1. Chương trình đào tạo (Khối lượng, cấu trúc chương trình đào tạo...)

Learning programs (Volume, structure of the program, etc.)

☐ Rất hài lòng/ *Very satisfied*

☐ Hài lòng/ *Satisfied*

☐ Phân vân/ *Neutral*

☐ Không hài lòng/ *Dissatisfied*

☐ Rất không hài lòng/ *Very dissatisfied*

Ý kiến khác (Ghi rõ)/ *Others (Specify)*:

.....
.....

2. **Hoạt động tổ chức đào tạo** (Bao gồm: Lập kế hoạch học tập, tổ chức xếp lớp, thời khóa biểu, theo dõi điểm chuyên cần, các hoạt động kiểm tra thường xuyên, thi cử, cấp bằng tốt nghiệp...)?

Academic activities (Including: making study plans, organizing classes, timetables, tracking attendance, regular checkups, examinations, and diplomas, etc.)

- ☐ Rất hài lòng/ *Very satisfied* ☐ Hài lòng/ *Satisfied* ☐ Phân vân/ *Neutral*
☐ Không hài lòng/ *Dissatisfied* ☐ Rất không hài lòng/ *Very dissatisfied*

Ý kiến khác (Ghi rõ)/ *Others (Specify)*:

.....
.....

3. **Tài nguyên học tập:** Thư viện (Chất lượng, số lượng giáo trình tài liệu học tập, hệ thống phân phối, hỗ trợ); Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ đào tạo; Cảnh quan môi trường (Cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị, an ninh trường học)

Learning resources: Library (Quality and quantity of textbooks, distribution system, and support); Information technology system for academic activities; Environmental landscape (facilities, classrooms, equipment, and school security)

- ☐ Rất hài lòng/ *Very satisfied* ☐ Hài lòng/ *Satisfied* ☐ Phân vân/ *Neutral*
☐ Không hài lòng/ *Dissatisfied* ☐ Rất không hài lòng/ *Very dissatisfied*

Ý kiến khác (Ghi rõ)/ *Others (Specify)*:

.....
.....

4. **Hoạt động giảng dạy và đội ngũ giảng viên của nhà trường:** Phương pháp giảng dạy, trình độ chuyên môn, thái độ nhiệt tình, hỗ trợ sinh viên trong và ngoài giờ học...

Teaching activities and faculty: Teaching methods, professional qualifications, enthusiastic attitude, supporting students in and outside the school hours, etc.

- ☐ Rất hài lòng/ *Very satisfied* ☐ Hài lòng/ *Satisfied* ☐ Phân vân/ *Neutral*
☐ Không hài lòng/ *Dissatisfied* ☐ Rất không hài lòng/ *Very dissatisfied*

Ý kiến khác (Ghi rõ)/ *Others (Specify)*:

.....
.....

5. **Đánh giá về tinh thần, thái độ phục vụ của các bộ phận trong trường**

Evaluation of the spirit and service attitude of other supporting departments

- ☐ Rất hài lòng/ *Very satisfied* ☐ Hài lòng/ *Satisfied* ☐ Phân vân/ *Neutral*
☐ Không hài lòng/ *Dissatisfied* ☐ Rất không hài lòng/ *Very dissatisfied*

Ý kiến khác (Ghi rõ)/ *Others (Specify)*:

.....
.....

6. Hoạt động chăm sóc, dịch vụ hỗ trợ sinh viên, phát triển cá nhân (Hoạt động tư vấn và chăm sóc sức khỏe, Tư vấn học tập, Dịch vụ hành chính, Dịch vụ nhà trọ, Dịch vụ thông tin sinh viên, Dịch vụ cung cấp thông tin việc làm, Dịch vụ giải trí cho sinh viên và các dịch vụ khác, Tình hình an ninh, các điều kiện ở kí túc xá (nếu có).)

***Student Affair, Student Support, and Personal Development** (Counseling and health care, Mentor, Administrative services, Accommodation services, Student Information Services, Employment Information Services, Entertainment Services and other services, Security Situation, Dormitory Conditions (if applicable), etc.)*

- ☐ Rất hài lòng/ *Very satisfied* ☐ Hài lòng/ *Satisfied* ☐ Phân vân/ *Neutral*
☐ Không hài lòng/ *Dissatisfied* ☐ Rất không hài lòng/ *Very dissatisfied*

Ý kiến khác (Ghi rõ)/ *Others (Specify):*

.....
.....

7. Các hoạt động mang tính truyền thống, các hoạt động mang tính giá trị nhân văn mà trường tổ chức (Các chương trình sự kiện định kỳ, Chương trình 7 ngày trải nghiệm, Vip-talk, Art-talk, các lễ hội văn hóa...)

***Traditional and humanitarian-worthy activities** (Periodic events, 7-day experience program, Vip-talk, Art-talk, culture festivals, etc.)*

- ☐ Rất hài lòng/ *Very satisfied* ☐ Hài lòng/ *Satisfied* ☐ Phân vân/ *Neutral*
☐ Không hài lòng/ *Dissatisfied* ☐ Rất không hài lòng/ *Very dissatisfied*

Ý kiến khác (Ghi rõ)/ *Others (Specify):*

.....
.....

8. Tổng thể quá trình học tập và trải nghiệm tại trường đối với sự phát triển về kiến thức, năng lực và phẩm chất của bản thân/The overall learning process and experience regarding the development of your knowledge, skills, and personal qualities.

- ☐ Rất hài lòng/ *Very satisfied* ☐ Hài lòng/ *Satisfied* ☐ Phân vân/ *Neutral*
☐ Không hài lòng/ *Dissatisfied* ☐ Rất không hài lòng/ *Very dissatisfied*

Ý kiến khác (Ghi rõ)/ *Others (Specify):*

.....
.....

Cảm ơn bạn đã tham gia khảo sát!
Thank you for your time!

ⁱ Điền các cơ sở đào tạo của đơn vị làm survey / *Fill in campus's name which takes the survey*

ⁱⁱ Tùy cơ sở, có thể điền ngành cho phù hợp/ *Upon each campus, majors can be filled.*